

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 16

Tổ :

Trang 1/1

Mã nhận dạng 00998

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Giáo dục thể chất 1* - 16-202501

CBGD:

Nguyễn Văn Phú

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14113303	THÁI THỊ BÍCH	DH14NHNT	<i>Thái</i>	6	7		6.7		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14113304	HỒ ĐÌNH CẢNH	DH14NHNT	<i>Cảnh</i>	7	8		7.7		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14113305	NGUYỄN THỊ KIỀU	DH14NHNT	<i>Kieu</i>	7	7		7.0		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14113308	DƯƠNG NGỌC PHƯƠNG	DH14NHNT	<i>Phuong</i>	7	7		7.0		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14113309	LÊ THỊ BÍCH TRÂM	DH14NHNT	<i>Tram</i>	6	8		7.4		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14113310	NGUYỄN KHẮC TRIỀU	DH14NHNT	<i>Trieu</i>	6	7		6.7		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14113312	NGUYỄN CHÍ TRƯỜNG	DH14NHNT	<i>Truong</i>	7	7		7.0		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14113313	NGUYỄN CẨM TÚ	DH14NHNT	<i>Tu</i>	6	7		6.7		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14113425	NGUYỄN KIM CƠ	DH14NHNT	<i>Co</i>	6	8		7.4		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14113426	HỒ CHÍ CƯỜNG	DH14NHNT	<i>Cuong</i>	7	8		7.7		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14113429	NGUYỄN QUỐC DUY	DH14NHNT	<i>Duy</i>	7	7		7.0		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14113430	TRẦN NGUYỄN ĐẠT	DH14NHNT	<i>Dat</i>	7	7		7.0		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14113431	PHÚ VĂN ĐIỆN	DH14NHNT	<i>Phu</i>	6	7		6.7		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14113433	TRẦN THỊ THANH HIỀN	DH14NHNT							7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14113436	TRỊNH THỂ HOAN	DH14NHNT	<i>Hoan</i>	8	9		8.7		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14113437	LÊ PHAN THANH HOÀI	DH14NHNT	<i>Hoai</i>	6	7		6.7		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14113438	NGUYỄN QUANG HUY	DH14NHNT	<i>Huy</i>	7	7		7.0		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14113439	VÕ AN HUY	DH14NHNT	<i>Huy</i>	6	8		7.4		7 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 16

Tổ :

Trang 2/1

Mã nhận dạng 00998

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Giáo dục thể chất 1* - 16-202501

CBGD:

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14113442	ĐÀNG NĂNG HOÀI	LINH	DH14NHNT						0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14113443	TRẦN ĐÌNH	LONG	DH14NHNT	25	7		7	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14113444	NGÔ THÀNH	LUÂN	DH14NHNT	trần	7		7	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14113445	QUẢNG THÀNH	LUÂN	DH14NHNT	Thần	7		8	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14113446	NGUYỄN THỊ KIM	MIN	DH14NHNT	Khu	7		7	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14113447	NGUYỄN THỊ	MỸ	DH14NHNT	Thư	7		7	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14113449	LÊ HỮU	NHIỆM	DH14NHNT	nhu	7		9	8.4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14113450	TRẦN VĨNH	PHÁT	DH14NHNT	Phát	7		8	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14113451	TRẦN VĂN	PHONG	DH14NHNT	Phong	7		8	7.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14113452	NGUYỄN ĐẮC	PHÚ	DH14NHNT	Phu	7		8	7.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14113453	LÊ CÔNG	PHÚC	DH14NHNT	Phu	7		8	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14113454	BÙI VĂN	PHỤNG	DH14NHNT	Phu	7		8	7.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14113455	NGUYỄN THỊ THÙY	PHƯƠNG	DH14NHNT	Thuy	7		8	7.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14113456	NGUYỄN THIÊN	PHƯỚC	DH14NHNT	Phu	7		7	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14113457	PHAN NHƯ NHẬT	QUYÊN	DH14NHNT	Quyên	7		7	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14113459	NGUYỄN HỮU	SOÀI	DH14NHNT	Soi	6		8	7.4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14113460	TRẦN THỊ THANH	TÂM	DH14NHNT	Tam	7		7	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14113461	NGUYỄN VŨ HƯNG	THỐNG	DH14NHNT	Thung	7		7	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Giáo dục thể chất 1* - 16-202501

CBGD:

Ngô Long Vũ

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	14113462	QUẢNG ĐẠI THU	DH14NHNT	<i>Long</i>		7		7	7.0		
38	14113465	VÕ THỊ KIM TRÂM	DH14NHNT	<i>Kim</i>		7		8	7.7		
39	14113466	NGUYỄN NGÔ XUÂN TRÌNH	DH14NHNT	<i>Trình</i>		7		7	7.0		
40	14113467	ĐÀNG TRUNG TUYÊN	DH14NHNT	<i>Trung</i>		6		8	7.4		
41	14113468	ĐỖ THỊ CẨM TÚ	DH14NHNT	<i>Cam Tu</i>		6		7	6.7		
42	14113469	VÕ VĂN TÚ	DH14NHNT	<i>Van Tu</i>		7		7	7.0		
43	14113470	NGUYỄN VƯƠNG	DH14NHNT	<i>Long</i>		7		7	7.0		
44	14113471	NGUYỄN THỊ THÚY VY	DH14NHNT	<i>Thuy Vy</i>		7		7	7.0		
45	14113473	PHAN THỊ MỸ YẾN	DH14NHNT	<i>My Yen</i>		6		7	6.7		
46	14113482	NGUYỄN THANH TRÍ	DH14NHNT	<i>Tru</i>		7		8	7.7		

Số lượng vắng:

Hiện diện: :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

~~47 14113313 Nguyễn Cẩm Tú DH14NHNT~~

Ngô Long Vũ